TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-11-2019.
V/v: "Ly hôn giữa chị T và anh Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Bùi Văn Lịch

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:* Ông Lê Duy Khôi.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T Sinh năm: 1994(*Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q Sinh năm: 1993*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 26/7/2019, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn vào ngày 31/10/2017, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam D, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc đến 25/02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không chịu làm ăn, hay chơi bời lô đề, cờ bạc về nhà gây chuyện chửi và

đánh chị. Từ tháng 7/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Mặc dù gia đình đã khuyên giải nhưng anh Q không thay đổi. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 26/9/2018; Hiện con chung đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.500.000 đồng.

Về tài sản; công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ và kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh Q.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2019 và biên bản hòa giải ngày 30/8/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Quyết trình bày: Anh và chị Lưu Thị T kết hôn năm 2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống yêu thương, hòa thuận nhưng một thời gian vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến khi sinh con. Anh xác định vợ chồng có cãi vã với nhau nhưng đều là những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống, mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Nay chị T xin ly hôn quan điểm của anh không đồng ý mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 26/9/2018; Hiện con chung đang ở cùng chị. Nay ly hôn, anh mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp Tòa án quyết định để chị T nuôi con anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.500.000 đồng.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 23/9/2019 với Ủy ban nhân dân xã N về nguyên nhân phát sinh tranh chấp như sau: Đối với mâu thuẫn của chị T và anh Q địa phương không nắm được do không có đơn thư từ cơ sở. Ngoài ra, vì các đương sự nộp đơn trực tiếp tại Tòa án không hòa giải tại cơ sở nên không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa chị Lưu Thị T và Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị

T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng; Anh Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]Về việc đăng ký kết hôn: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; anh Q mong muốn được đoàn tụ. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh Q nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị T đối với anh Nguyễn Văn Q.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị 01 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 26/9/2018. Hiện con chung đang ở cùng chị T. Sau khi xem xét ý kiến các đương sự, Hội đồng xét xử thấy: cháu P dưới 36 tháng tuổi để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị T. Anh Q cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lưu Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Văn Q.

2.Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Lưu Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 26/09/2018. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.500.000 đồng, kể từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002279 ngày 26/6/2019.

Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4.Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Phạm Mạnh Cường